TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DUYÊN HẢI
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16 /2021/DS-ST
Ngày 23-6-2021
"V/v tranh chấp đòi lại tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Bá Thi
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Huỳnh Minh Rảnh
2. Ông Lê Bá Tòng

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Nguyễn Xuân Trường, là Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Đồng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2020/TLST-DS, ngày 18 tháng 6 năm 2020 về việc "Tranh chấp đòi lại tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2021/QĐXXST- DS, ngày 08 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lâm Thị G, sinh năm 1958.
Địa chỉ: ấp L, xã Th, huyện C, tỉnh Tr.
Bị đơn: Ông Kiên Lý V, sinh năm 1950.
Địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện D, tỉnh Tr.
Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Trương Thị Th, sinh năm 1959.
Địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện D, tỉnh Tr.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa nguyên đơn bà Lâm Thị G trình bày :

Tôi có cho ông Kiên Lý V vay mượn tiền nhiều lần (do thời gian quá lâu nên không nhớ rõ là bao nhiêu và đã quy đổi ra vàng nên chỉ nhớ vàng). Đến năm 1998 tôi và ông V thống nhất quy đổi tiền nợ thành vàng là 47 chỉ vàng 24k loại 99%. Ông V có cấn trừ 05 công đất giồng với giá là 25 chỉ chỉ vàng 24k loại 99%, còn nợ lại là 22 chỉ vàng 24k loại 99%. Hai năm sau bà Th chuộc 05 công đất để bán và có

đưa cho tôi 25 chỉ vàng tại nhà tôi theo thỏa thuận sang đất ngày 22/4/1998. Còn thiếu lại 22 chỉ vàng tôi có đòi ông V nhiều lần ông V hứa trả nhưng không có trả, Thời gian gần đây bà đòi thì ông V nói vợ là bà Th trả xong nên bà kiện ông V yêu cầu trả 22 chỉ vàng 24k loại 99% Ngoài ra bà không còn yêu cầu nào khác.

Bị đơn ông Kiên Lý V vắng mặt nên không có lời trình bày: Trong quá trình giải quyết vụ án ông V có lời trình bày như sau: tôi có vay tiền và quy đổi thành 47 chỉ vàng 24k loại 99%. Cấn trừ 05 công đất giồng với giá là 25 chỉ chỉ vàng 24k loại 99%, còn nợ lại là 22 chỉ vàng 24k loại 99% là đúng. Nhưng tôi không đồng ý trả 22 chỉ vàng 24k loại 99% cho bà G vì bà G có hứa cho tôi thuê lại 05 công đất nhưng bà không cho nên khoảng 01- 02 vụ lúa sau (khoảng 01-02 năm sau) tôi và vợ tôi có bàn nhau bán 05 công đất cấn trừ cho bà G và bán thêm đất nhà trả cho bà G. Sau khi bán đất xong thì vợ tôi bà Th đem 47 chỉ vàng đem trực tiếp trả cho bà G. Việc bà Th trả 47 chỉ vàng cho bà G thì tôi không có chứng kiến. Nay bà G yêu cầu tôi trả 22 chỉ vàng 24k loại 99% tôi không đồng ý vì vợ tôi bà Th đã trong xong 47 chỉ vàng cho bà G. Ngoài ra tôi không còn yêu cầu nào khác.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị Th vắng mặt nên không có lời trình bày: Trong quá trình giải quyết vụ án Tôi thống nhất lời trình bày của ông V là chồng tôi về số nợ 47 chỉ và trả xong cho bà G. Tôi xin trình bày thêm là tôi trực tiếp trả 47 chỉ vàng cho bà G tại nhà máy của bà G và bà G nhận 47 chỉ vàng. Ngoài ra bà không còn yêu cầu nào khác.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về việc tuân theo pháp luật*: Thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện đến khi Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tống đạt đầy đủ cho các đương sự nhận. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn vì thể hiện ông V có vay của bà G và bà G xuất trình biên nhận vay vàng ngày 20/4/1998. Ông V cho rằng vợ ông là bà Th có trả cho bà G 47 chỉ vàng nhưng bà G không Th nhận và ông V không có chứng cứ nào chứng minh đã trả cho bà G. Buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Bà G khởi kiện ông V yêu cầu Tòa án giải quyết về việc tranh chấp đòi lại tài sản được quy định tại khoản 03 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự là thuộc thẩm

quyền giải quyết của Tòa án. Ông Kiên Lý V và bà Trương Thị Th được Tóa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông V và bà Th.

[2] Xét thấy bà G và ông V có giao kết hợp đồng vay vàng với nhau, tại thời điểm giao kết hợp đồng các bên đủ năng lực hành vi dân sự, hợp đồng giao kết thể hiện bằng giấy mượn vàng. Ông V Th nhận có vay 22 chỉ vàng 24k loại 99% của bà G và có làm biên nhận như bà G trình bày. Ông V không đồng ý trả vì vợ ông là bà Th đã trả cho bà G xong. Bà G không Th nhận việc bà Th trả nợ 22 chỉ vàng thay cho ông V và ông V, bà Th cũng không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho việc đã trả 22 chỉ vàng cho bà G. Mặt khác, bà Th cho rằng lúc trả chỉ có bà và bà G không có làm giấy tờ gì nên không còn chứng cứ nào cung cấp cho Tòa án. Do bà G đã đưa ra chứng cứ chứng minh được yêu cầu của mình theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Số lượng 22 chỉ vàng 24 k loại 99% quy đổi tại thời điểm xét xử vụ án là 5.190.000 đồng/01 chỉ bằng (22 chỉ x 5.190.000 đồng/chỉ = 114.180.000 đồng) 114.180.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông V có nghĩa vụ nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 39 , 91, 147, 228, 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466 và Điều 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Lâm Thị G khởi kiện ông Kiên Lý V**.** Buộc ông Kiên Lý V có nghĩa vụ trả 114.180.000 đồng cho bà Lâm Thị G.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 02 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Kiên Lý V có nghĩa vụ nộp 5.709.000 đồng án phí. Hoàn trả cho bà Lâm Thị G 2.475.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008790 ngày 11/6/2020 do bà Lâm Thị G nộp cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

[3]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có

mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKS huyện Duyên Hải.
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự
- Lưu HSVA, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Bùi Bá Thi